

-기에

vì, do — nguyên nhân trong văn viết

Dạng tương ứng trong văn viết của -길래. Cùng cấu trúc, cùng hạn chế, nhưng phù hợp với báo cáo và văn bản trang trọng hơn là hội thoại.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Mọi động từ hoặc tính từ	-기에	저렴하다 → 저렴하기에
Gốc có ㄹ giữ nguyên ㄹ	-기에	만들다 → 만들기에
Quá khứ	-았/었기에	갔기에
Chủ ngữ mệnh đề đầu	không phải bản thân	가격이 저렴하기에
Không có mệnh lệnh phía sau	chỉ câu trần thuật	저렴하기에 사세요 là sai
Dạng văn nói	-길래	저렴하길래

Khi nào dùng

Gắn -기에 vào mọi gốc từ — không có quy tắc nguyên âm, ㄹ giữ nguyên, và thì có thể đứng trước: 갔기에.

Giống như -길래, mệnh đề đầu kể về điều bên ngoài người nói, còn mệnh đề sau kể về phản ứng của chính người nói: 가격이 저렴하기에 구입했습니다.

Sau nó không thể là mệnh lệnh hay đề nghị. Mệnh đề sau nêu điều đã được làm.

Một cách dùng khác có cùng hình thức xuất hiện trong các cụm như 먹기에 좋다 và 읽기에 편하다, nơi -기 là đuôi danh từ hóa còn ㄹ là trợ từ thông thường. Ngữ cảnh giúp phân biệt hai cách dùng này dễ dàng.

Ví dụ trong câu

- 1** 가격이 저렴하기에 두 개를 구입했습니다.
Giá rẻ nên tôi đã mua hai cái.
- 2** 날씨가 좋기에 잠시 산책을 했다.
Thời tiết đẹp nên tôi đi dạo một chút.
- 3** 문의가 많았기에 안내를 드립니다.
Do có nhiều câu hỏi, chúng tôi xin gửi thông báo này.
- 4** 아무도 만들지 않기에 제가 준비했습니다.
Vì không ai khác làm nên tôi đã tự chuẩn bị.
- 5** 중요한 사안이기에 신중히 검토하였다.
Vì là việc quan trọng nên chúng tôi đã xem xét kỹ lưỡng.
- 6** 자료가 방대하기에 요약본을 따로 준비했습니다.
Tài liệu quá nhiều nên tôi đã chuẩn bị riêng một bản tóm tắt.

So sánh với

-길래
Cấu trúc giống hết, văn phong khác. -길래 dùng trong hội thoại; -기에 thuộc về văn viết và lời nói trang trọng.
싸길래 샀어요. (văn nói) / 저렴하기에 구입했습니다. (văn viết)

-기 때문에
때문에 nêu nguyên nhân một cách trung tính và chấp nhận mọi chủ ngữ. -기에 coi lý do là điều quan sát được và dẫn đến hành động của chính bạn.
저렴하기 때문에 인기가 많다. (vì rẻ) / 저렴하기에 구입했다. (thấy rẻ nên đã mua)

-기에 좋다
Cùng các chữ cái nhưng trong một cấu trúc khác: ở đây -기 danh từ hóa còn ㄹ là trợ từ thông thường. Nó có nghĩa là “thích hợp để làm gì”.
저렴하기에 샀다. (vì rẻ) / 읽기에 좋다. (dễ đọc)

Lưu ý

- ✗** 제가 배고프기에 밥을 먹었습니다.
○ 배가 고파서 식사를 했습니다.
-기에 coi lý do là điều quan sát được bên ngoài bản thân. Cơ đói của chính bạn không được quan sát theo cách đó.
- ✗** 가격이 저렴하기에 구입하세요.
○ 가격이 저렴하니 구입하시기 바랍니다.
Sau -기에 không thể là mệnh lệnh. Mệnh đề sau kể lại điều đã được làm.
- ✗** 야, 싸기에 샀어.
○ 야, 싸길래 샀어.
-기에 là dạng văn viết. Trong văn nói thân mật, dạng tương đương là -길래.